TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 339/2019/HNGĐ-ST Ngày 29-11-2019 V/v Ly hôn, nuôi con chung giữa chị Y và anh Tr”	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Phượng;

Ông Nguyễn Thành Thái.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Sinh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2019/QĐST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố HU, thị trấn C, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Tr, sinh năm 1985; HKTT: Tổ dân phố 7, thị trấn AD, huyện AD, thành phố HP; Tạm trú: Tổ dân phố HU, thị trấn C, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Chị Y có đơn xin vắng mặt, anh Tr vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 8 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh Phạm Văn Tr đăng ký kết hôn ngày 20/12/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn AD, huyện AD, thành phố HP trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Tổ dân phố HU, thị trấn C, huyện HH, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống của mỗi người khác nhau, từ tháng 7/2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay xét thấy tình trạng hôn nhân đã đổ vỡ, giữa chị Y và anh Tr không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị Y làm đơn xin ly hôn anh Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Khánh U, sinh ngày 17/7/2007 và cháu Phạm Khánh C, sinh ngày 01/3/2014, hiện hai con đang ở với chị Y. Khi ly hôn, chị Y nhận nuôi hai con chung và không yêu cầu anh Tr phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Y.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Y không đề nghị Toà án giải quyết.

* *Tại bản tự khai ngày 20/8/2019, anh Phạm Văn Tr trình bày*: Anh Tr và chị Y có quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống và thời gian vợ chồng sống ly thân như chị Y đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, tiền bạc dẫn đến cãi chửi nhau. Đến nay mâu thuẫn giữa anh và chị Y đã trầm trọng nhưng vì các con nên anh Tr không nhất trí ly hôn, đề nghị Toà án hoà giải cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh Tr và chị Y có 02 con chung là cháu Phạm Khánh U, sinh ngày 17/7/2007 và cháu Phạm Khánh C, sinh ngày 01/3/2014 như chị Y đã trình bày, nếu phải ly hôn anh Tr cũng có nguyện vọng nuôi con, con nào ở với anh Tr thì anh Tr nuôi dưỡng còn hai con muốn ở với mẹ, anh Tr chấp nhận ý kiến của các con. Anh Tr không đề nghị giải quyết về tài sản và công nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên sau khi lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, anh Tr đã bỏ về, không ký biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như biên bản hoà giải.

Tại phiên tòa, chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Tr vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Y có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt; anh Phạm Văn Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị Y và anh Tr theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y và anh Phạm Văn Tr kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng ngày 20-12-2006. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh Tr là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai người bất đồng về kinh tế, tiền bạc dẫn đến cãi chửi nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay. Do hai người sống ly thân đã lâu, tình cảm giữa chị Y và anh Tr không còn, không thể tiếp tục chung sống được nên chị Y xin ly hôn anh Tr.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Y với anh Phạm Văn Tr thì thấy: Chị Y và anh Tr đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân. Tuy nhiên, vì các con nên anh Tr không nhất trí ly hôn, đề nghị Toà án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải cũng như để thời gian cho anh Tr đưa ra giải pháp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh Tr không thiện trí, không đưa ra được phương pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ, chị Y vẫn giữ ý kiến xin ly hôn. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Y là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Y và anh Phạm Văn Tr có 02 con chung là cháu Phạm Khánh U, sinh ngày 17/7/2007 và cháu Phạm Khánh C, sinh ngày 01/3/2014, các con đang ở cùng chị Y. Chị Y và anh Tr đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét yêu cầu xin nuôi con chung của chị Y và anh Tr thì thấy: Hiện nay hai con đang ở cùng chị Y, các con đều có nguyện vọng ở với mẹ, anh Tr cũng có ý kiến tôn trọng nguyện vọng của các con. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị Y về việc nuôi con chung sau ly hôn; giao 02 con chung là cháu Phạm Khánh U, sinh ngày 17/7/2007 và cháu Phạm Khánh C, sinh ngày 01/3/2014 cho chị Y nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không buộc anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Y là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Tài sản chung và công nợ: Do chị Nguyễn Thị Y và anh Phạm Văn Tr đều không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Y phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Phạm Văn Tr.

2. Về nuôi con chung: Giao chị Nguyễn Thị Y nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Phạm Khánh U, sinh ngày 17/7/2007 và cháu Phạm Khánh C, sinh ngày 01/3/2014 đến tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi mình. Anh Phạm Văn Tr không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Y và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây anh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0001764 ngày 15-8-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Nguyễn Thị Y đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND TT An Dương và TT C: (1 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Văn Ái